

Số: 13 CT/HĐQT

Lai Châu, ngày 15 tháng 04 năm 2017

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017

Về việc tăng vốn và phương án phát hành cổ phần riêng lẻ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số: 16/NQ – ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7.02, về việc tiếp tục triển khai đầu tư dự án thủy điện Nậm Thi.
- Căn cứ Nghị quyết số 19 CT/NĐ-HĐQT ngày 30/9/2015 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 về việc: Thông qua chủ trương đầu tư thi công Dự án thủy điện Nậm Thi 2.
- Căn cứ quy định của Bộ công thương về việc đảm bảo vốn chủ sở hữu của chủ đầu tư trong công tác đầu tư xây dựng dự án và đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Căn cứ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lai Châu, về việc huy động và chứng minh vốn tự có để đối ứng vay vốn tín dụng dài hạn đầu tư dự án thủy điện Nậm Thi 2 và xem xét hồ sơ vay vốn của dự án Nậm Thi 1.
- Căn cứ Tổng mức đầu tư điều chỉnh của Dự án thủy điện Nậm Thi.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02

Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 báo cáo thực trạng vốn chủ sở hữu của Công ty đến thời điểm hiện tại và Tổng vốn cần có để thực hiện đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Thi (Bao gồm Nậm Thi 1 và Nậm Thi 2) như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ.

I. Thực trạng vốn chủ sở hữu của Công ty đến thời điểm hiện tại như sau:

Đến 31/12/2016 Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 đang có cơ cấu vốn chủ sở hữu và những thay đổi về vốn làm giảm vốn chủ sở hữu như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Vốn chủ sở hữu đến 31/3/2016	56.019.502	
	- Vốn điều lệ	60.000.000	
	- Quỹ đầu tư phát triển	1.006.373	
	- Quỹ dự phòng tài chính	642.712	
	- Lợi nhuận chưa phân phối	(5.629.582)	
2	Vốn chủ sở hữu đã sử dụng và SXKD lỗ	6.958.811	



	- Đầu tư tài chính dài hạn	1.598.000	
	- Mua sắm TSCĐ	148.795	GT còn lại TSCĐ
	- Giá trị sản lượng dở dang bị lỗ	5.212.016	
	Trong đó: + Thủy điện Sử Pán II	3.763.091	
	+ Thủy điện Bản Chát	1.448.925	
3	Vốn chủ sở hữu còn lại (1-2)	49.060.691	

Vốn chủ sở hữu của Công ty theo sổ sách đến thời điểm hiện tại là: **49.060.691.000 đồng**, trong đó số vốn đã đầu tư vào Dự án Nậm Thi 2 đến 31/3/2017 là: **28.624.251.000 đồng** (Chi tiết báo tình hình thực hiện đầu tư kèm theo).

Số vốn số vốn chủ sở hữu đã sử dụng vào công tác sản xuất kinh doanh xây lắp tại các công trình nhận thầu thi công Thủy điện Sử Pán II, thủy điện Bản Chát cũng đang bị tồn đọng rất lớn, thời gian thu hồi vốn rất chậm do chủ đầu tư thiếu vốn, dẫn đến rất thiếu vốn để tiếp tục triển khai công tác đầu tư.

Như vậy đến thời điểm hiện tại vốn chủ sở hữu của Công ty còn chưa đủ để phục vụ công tác đầu tư cho dự án thủy điện Nậm Thi 2, đồng thời chưa có vốn đối ứng cho dự án thủy điện Nậm Thi 1. Vì vậy Công ty phải tiến hành tăng vốn điều lệ để đáp ứng vốn cho công tác đầu tư xây dựng hoàn thành dự án.

II. Tổng mức đầu tư của 02 dự án Nậm Thi 2 và Nậm Thi 1:

Toàn bộ 02 dự án Nậm Thi đã tạm dừng thi công từ năm 2011 do khó khăn suy thoái của nền kinh tế cả nước nói chung và của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 nói riêng. Quý 4 năm 2015 dự án triển khai lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời điều chỉnh lại một phần thiết kế lòng hồ khu đầu mối đập Nậm Thi 2 để tăng hiệu quả của dự án, xin điều chỉnh lại quy hoạch và lập lại tổng mức đầu tư.

II.1 - Dự án thủy điện Nậm Thi 2

Tổng mức đầu tư điều chỉnh 2016:

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng mức đầu tư	263.166.842	
	- Tổng các khoản chi phí đầu tư trước thuế	229.553.342	
	- Lãi vay trong quá trình đầu tư	12.343.047	Vay NH
	- Thuế VAT	21.270.453	
2	Tổng vốn cần có để thực hiện đầu tư	241.896.389	
	- Vốn tự có của chủ đầu tư (30%)	72.568.916	
	- Vốn đề nghị vay Ngân hàng (70%)	169.327.472	

1 – Phần vốn dự kiến đề nghị vay Ngân hàng: 169.327.000.000 đồng. Hiện tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Lai Châu đã ký hợp đồng tín dụng cho vay theo tổng mức đầu tư lập năm 2010 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp phép đầu tư ngày 30 tháng 9 năm 2010 là: **126.070.000.000 đồng**. Số còn lại sẽ đề nghị Ngân hàng Đầu tư và PT Lai Châu xem xét cho vay bổ xung khi có Tổng mức đầu tư điều chỉnh được phê duyệt và cấp phép đầu tư của tỉnh Lai Châu.

2 – Phần vốn tự có của chủ đầu tư: Đến thời điểm hiện tại vốn tự có của Công ty

SAC
C
C
ON
DUO

chưa đủ đối ứng để vay vốn dài hạn tại Ngân hàng phục vụ việc đầu tư dự án thủy điện Nậm Thi 2. Số vốn tự có còn thiếu phải huy động tăng vốn cho dự án Nậm Thi 2 là:

$$(72.568.916.000 - 49.060.691.000) = 23.508.225.000 \text{ đồng}$$

II.2 - Tổng mức đầu tư dự án thủy điện Nậm Thi 1: ĐVT: 1.000 đồng

TT	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng mức đầu tư	308.129.150	
	- Tổng các khoản chi phí đầu tư trước thuế	269.521.668	
	- Lãi vay trong quá trình đầu tư	13.436.644	
	- Thuế VAT	25.170.836	
2	Tổng vốn cần có để thực hiện đầu tư	282.958.312	
	- Vốn tự có của chủ đầu tư (30%)	84.887.493	
	- Vốn dự kiến vay Ngân hàng (70%)	198.070.817	

Dự án Nậm Thi 1 chưa có vốn đối ứng của chủ đầu tư.

Tổng số vốn tự có (30%) của chủ đầu tư để phục vụ đầu tư của cả 02 dự án là:

$$(72.568.916.000 + 84.887.493.000) = 157.456.409.000 \text{ đồng (làm tròn số)}$$

Số vốn tự có còn phải huy động để thực hiện đầu tư xây dựng cho toàn bộ 02 dự án Nậm Thi 2 và Nậm Thi 1 là:

$$(157.456.409.000 - 49.060.691.000) = 108.395.718.000 \text{ đồng}$$

III. Dự kiến kế hoạch và thời gian tăng vốn:

Năm 2017 căn cứ trên tiến độ kế hoạch thực hiện đầu tư của hai dự án (Nậm Thi 2 và Nậm Thi 1), để đảm bảo có đủ vốn phục vụ triển khai thi công, số vốn tự có cần huy động tăng vốn là: **108.395.718.000 đồng**. Cụ thể:

1 – Kế hoạch tăng đợt 1 là: 60.000.000.000 đồng, trong đó:

+ Dự án Nậm Thi 2 tăng đủ số vốn còn thiếu để đầu tư hoàn thành dự án:

$$(72.568.916.000 - 49.060.691.000) = 23.508.225.000 \text{ đồng}$$

+ Dự án Nậm Thi 1 tăng với số vốn là:

$$(60.000.000.000 - 23.508.225.000) = 36.491.775.000 \text{ đồng}$$

Số vốn tăng đợt 1 cho Dự án Nậm Thi 1 tập trung cho công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý của dự án, lập hồ sơ thiết kế cơ sở, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, và thi công một số hạng mục công trình phụ trợ, ...

Thời gian tăng vốn đợt 1: Quý II/2017

2 – Kế hoạch tăng vốn đợt 2: Tăng đủ số vốn còn lại để thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành dự án Nậm Thi 1 là:

$$(108.395.718.000 - 60.000.000.000) = 48.395.718.000 \text{ đồng}$$

Thời gian tăng vốn đợt 2 dự kiến: Quý I - II/2018

B. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHẦN RIÊNG LẺ

Do điều kiện thực tế của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 và các quy định của Luật

chứng khoán, Công ty chỉ được tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phần riêng lẻ.

I. Thông tin chung về đợt phát hành

1. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/ 01cổ phần
3. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **10.840.000** (*Mười triệu, tám trăm bốn mươi nghìn*) cổ phần
4. Tổng giá trị dự kiến phát hành (*theo mệnh giá*): **108.400.000.000 đồng** (*Một trăm linh tám tỷ, bốn trăm triệu đồng*)
5. Mục đích phát hành: Tăng vốn Điều lệ Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện Dự án Nậm Thi 1 và Nậm Thi 2.
6. Phương án sử dụng vốn: toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ của Công ty dự kiến để phục vụ cho Dự án Nậm Thi 1 và Nậm Thi 2. Trường hợp số tiền thu về không đạt được như dự kiến, Công ty sẽ huy động từ các nguồn tín dụng khác (vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng, cá nhân,) để bù đắp phần thiếu hụt.

7. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành:

Việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ sẽ làm phát sinh các rủi ro pha loãng cho cổ đông hiện hữu như sau:

- *Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)*

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phần ưu đãi}^1}{\text{Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

- *Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết:* Việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ sẽ làm giảm tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông, hiện hữu không tham gia mua thêm cổ phần trong đợt chào bán riêng lẻ này. Tỷ lệ biểu quyết của Cổ đông hiện hữu sẽ giảm theo công thức: Tỷ lệ biểu quyết sau phát hành = tỷ lệ biểu quyết trước phát hành / (1 + số cổ phần phát hành thêm / số cổ phần đang lưu hành trước phát hành).

8. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT

- Lựa chọn thời gian cụ thể thực hiện việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ đảm bảo tối ưu hóa lợi ích của cổ đông và Công ty cũng như khả năng thành công của các đợt phát hành, tuân thủ các quy định về khoảng cách giữa các đợt phát hành riêng lẻ theo quy định của pháp luật hiện hành;

¹ Công ty không có cổ phần ưu đãi.

24
T
I
A
A
T

- Thông qua Danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu, Danh sách chủ nợ được hoán đổi nợ lấy cổ phần cụ thể, đảm bảo tổng số nhà đầu tư mua cổ phiếu của mỗi đợt không vượt quá 100 người (*không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp*);
- Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ (*trong trường hợp cần thiết, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty*) và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định;
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh Điều lệ hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại nội dung Vốn điều lệ thực góp theo đúng số vốn thực tế phát hành thành công của từng đợt phát hành.

II. Phương án phát hành chi tiết

Kế hoạch tăng vốn của Công ty được chia thành 2 đợt, cụ thể như sau:

1. Đợt 1: Phát hành riêng lẻ 6.000.000 cổ phần

1.1. Phương thức thực hiện:

1.1.1. Phát hành riêng lẻ 5.600.000 cổ phần để hoán đổi nợ

- Phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi: đính kèm Tờ trình này
- Giá trị nợ thực hiện hoán đổi: **56.000.000.000 (Năm mươi sáu tỷ)** đồng
- Đối tượng phát hành dự kiến:

Căn cứ vào công nợ giữa Công ty và chủ nợ đến thời điểm 14/04/2017 (*theo Báo cáo tài chính kiểm toán soát xét ngày 14/04/2017 của Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC*) và công nợ không đổi đến thời điểm chào bán. CTCP Sông Đà 7.02 thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ cụ thể như sau:

TT	Nhà đầu tư	Số dư nợ đến thời điểm 14/04/2017 (đồng)	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành theo tỷ lệ hoán đổi (cổ phần)	Giá trị công nợ được hoán đổi (đồng)
1	Công ty cổ phần Sông Đà 7.04	43.523.986.450	4.080.000	40.800.000.000
2	Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7	15.200.000.000	1.520.000	15.200.000.000
	Tổng cộng	58.723.986.450	5.600.000	56.000.000.000

- Mục đích phát hành: Phát hành để hoán đổi công nợ với các chủ nợ đã cho Công ty vay. Đồng thời giúp các chủ nợ của Công ty có thể chuyển hình thức bằng cách sở hữu cổ phiếu CTCP Sông Đà 7.02 và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Xử lý số cổ phần không phân phối hết phát sinh (*nếu có*):

Khi hoán đổi khoản nợ thành cổ phiếu, số cổ phiếu được hoán đổi sẽ được làm tròn

xuống hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động xóa bỏ.

- f. Các quyền lợi của nhà đầu tư sau khi đã hoán đổi một phần khoản nợ
- Quyền hưởng cổ tức: Các nhà đầu tư trên sẽ được hưởng cổ tức hoặc cổ phiếu được chia (nếu có) và số cổ tức này sẽ được hưởng đầy đủ các quyền lợi của cổ phiếu phổ thông.
 - Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư cổ phần CTCP Sông Đà 7.02: Tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

1.1.2. Phát hành riêng lẻ 400.000 cổ phần thu tiền mặt

- a. Đối tượng phát hành: Công ty cổ phần thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7
- b. Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Căn cứ xác định giá:
- Theo chứng thư thẩm định giá số 100417/TĐG-CT do Công ty TNHH Kiểm toán ASCO lập ngày 10/04/2017, giá 1 cổ phần của Công ty là: 8.376 đồng/ cổ phần;
 - Tuy nhiên, do tình hình tài chính hiện tại của Công ty không có đủ nguồn bù đắp trong trường hợp phát hành cổ phần dưới mệnh giá, nên HĐQT đề xuất mức giá phát hành bằng mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần.
- c. Xử lý số cổ phần không phân phối hết phát sinh (nếu có):

Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phần không được nhà đầu tư dự kiến đăng ký mua hết (nếu có) HĐQT sẽ điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phần phát hành theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã được phân phối trong đợt phát hành.

1.2. Thời gian thực hiện dự kiến: Quý II năm 2017

1.3. Hạn chế chuyển nhượng:

Toàn bộ cổ phần chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán và báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2. Đợt 2: Phát hành riêng lẻ 4.840.000 cổ phần

2.1. Thời gian thực hiện dự kiến: Quý I - II năm 2018

2.2. Đối tượng phát hành:

- Các cổ đông chiến lược, các cán bộ chủ chốt của Công ty, CBCNV trong Công ty, các cổ đông hiện hữu của Công ty có nhu cầu.
- Các nhà đầu tư khác được lựa chọn trên cơ sở thỏa mãn một hoặc một số tiêu chí sau:
 - + Các nhà đầu tư bày tỏ thiện chí hợp tác trong quá trình đàm phán việc mua bán cổ phiếu, đồng thời có năng lực tài chính, đảm bảo sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định;
 - + Các nhà đầu tư có chiến lược và văn hóa kinh doanh phù hợp, không có xung đột về lợi ích với chiến lược phát triển của Công ty và thể hiện cam kết gắn bó lợi ích với sự phát triển của Công ty;
 - + Các nhà đầu tư có đóng góp quan trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.3. **Giá phát hành:** 10.000 đồng/ cổ phần

Căn cứ xác định giá: tương tự mục B.I.1.1.2.b

2.4. **Xử lý số cổ phần không phân phối hết phát sinh (nếu có):** tương tự mục B.I.1.1.2.c

2.5. **Hạn chế chuyển nhượng:** tương tự mục B.I.1.3

Trên đây là nội dung Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP/HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Bút